

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Quản lý dự án hệ thống thông tin		
Mã học phần:	71MISS40103	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	241_71MISS40103_01		
Hình thức thi:	Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	75 phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☒ Có	☐ Không	

Gợi ý:

- SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi;
- Upload file bài làm (word, excel, pdf...);
- Upload hình ảnh bài làm (chỉ những trường hợp vẽ biểu đồ, công thức tính toán đặc biệt).

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:
+ **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1
+ **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (**nén lại và đặt mật khẩu file nén**) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Vận dụng các định nghĩa, khái niệm về vòng đời dự án, và các nguyên tắc quản lý dự án vào công tác quản lý một dự án hệ thống thông tin.	Trắc nghiệm & Tự luận	30%	Phần trắc nghiệm Câu 2	3	PI 4.4
CLO2	Phân tích được vai trò, trách nhiệm, quyền hạn của các bên tham gia vào dự án, cụ thể là dự án phát triển HTTT.	Tự luận	30%	Câu 1b Câu 2	3	PI 4.4
CLO3	Sử dụng thành thạo những kỹ thuật và công cụ hỗ trợ để lập kế hoạch, theo dõi, giám sát dự án công nghệ thông tin	Tự luận	40%	Câu 1a Câu 2	4	PI 8.1

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình,..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (10 câu hỏi – 2 điểm)

Chọn ngẫu nhiên 10 câu hỏi từ file “241 MIS ISMP.jqz”

PHẦN TỰ LUẬN (2 câu hỏi – 8 điểm)

Câu hỏi 1: (4 điểm)

Trường Đại Học V đang lên kế hoạch dự án triển khai giải pháp ERP với mục đích chuẩn hóa quy trình đào tạo, nâng cao tính hiệu quả trong quản lý và sử dụng dữ liệu cũng như hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Sau quá trình cân nhắc kỹ lưỡng, giải pháp được chọn lựa là OpenEduCat với sự tùy biến mạnh mẽ trên nền tảng điện toán đám mây. Đơn vị phụ trách tư vấn và triển khai là O Consultant.

Với vai trò của đội ngũ quản lý dự án, Anh/chị hãy lên kế hoạch tổng quát để Trường Đại Học V triển khai hệ thống này bằng việc thực hiện các tác vụ sau:

- Xác định và vẽ cấu trúc phân rã công việc của dự án (WBS). Yêu cầu số lượng công việc (task) tối thiểu là 12. (2 điểm)
- Lập bảng phân tích dự án từ WBS trên. Bảng phân tích bao gồm Công việc, Tính Phụ Thuộc của các công việc, Thời gian Thực Hiện và Ước tính chi phí cho từng Công Việc. (2 điểm)

Ghi chú:

- Sinh viên thực hiện câu 1 trên file **Word** rồi upload lên hệ thống.
- Đặt tên file: **“MSSV”_ISMP_Câu hỏi 1.docx**
- Nhờ Trung Tâm Khảo Thí tạo nơi để sinh viên có thể nộp file.

Câu hỏi 2: (4 điểm)

Vòng đời dự án là một tập hợp các giai đoạn tuần tự mà một dự án trải qua từ khi khởi tạo đến khi kết thúc. Nó cung cấp một khuôn khổ quản lý chung, áp dụng cho mọi loại hình dự án, bất kể tính chất và quy mô. Các giai đoạn trong vòng đời dự án có thể được triển khai theo trình tự tuyến tính, lặp đi lặp lại hoặc chồng chéo.

Theo Hướng dẫn về Quản lý Dự án (PMBOK) do Viện Quản lý Dự án (PMI) xuất bản năm 2021, có ba phương pháp tiếp cận chính trong quản lý vòng đời dự án: Dự đoán (Predictive), Thích ứng (Adaptive) và Kết hợp (Hybrid). Phương pháp Thích ứng bao gồm các dạng như Lặp lại (Iterative), Gia tăng (Incremental) và Linh hoạt (Agile).

Yêu cầu:

- Phân tích ưu điểm và nhược điểm của từng phương pháp tiếp cận vòng đời dự án (Dự đoán, Thích ứng và Kết hợp). (3 điểm)

- b. Đối với dự án hệ thống thông tin, cách tiếp cận nào được xem là phù hợp? Giải thích sự lựa chọn bằng ít nhất 3 luận điểm phù hợp. (1 điểm)

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		2	
Đáp án được lưu trong file HotPotatoes			
II. Tự luận		8	
Câu hỏi 1			
Nội dung a	Phân chia dự án thành các giai đoạn (level 1) – 0.5 điểm. Phân chia dự án thành các task, đạt số lượng task tối thiểu – 0.5 điểm Các tasks thể hiện được mục tiêu của dự án – 0.5 điểm Mức độ phù hợp của các task – 0.5 điểm	2	
Nội dung b	Thể hiện được sự phụ thuộc của các công việc – 1 điểm Phân chia thời gian hợp lý cho các công việc – 0.5 điểm Phân chia chi phí hợp lý cho các công việc – 0.5 điểm	2	
Câu hỏi 2			
Nội dung a	<i>Sinh viên cần chỉ ra ưu điểm và nhược điểm của từng hướng tiếp cận. Trong đó, mỗi ý đúng được tính 0.25 điểm. Mỗi phần ưu điểm hoặc nhược điểm có điểm tối đa là 0.5.</i> Đáp án gợi ý: 1. Phương pháp Dự đoán (Predictive) Ưu điểm: Rõ ràng và dễ hiểu: Quy trình được xác định rõ ràng từ đầu với các mục tiêu, phạm vi, thời gian và ngân sách cố định. Điều này giúp dễ dàng theo dõi tiến độ và kiểm soát rủi ro. Dễ dàng quản lý: Kế hoạch chi tiết giúp việc phân công công việc, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc trở nên dễ dàng hơn. Hiệu quả về chi phí: Việc lập kế hoạch chi tiết từ ban đầu	0.5 x 6 = 3 điểm	

	giúp giảm thiểu sự phát sinh chi phí ngoài dự kiến. ○ Phù hợp với dự án có yêu cầu ổn định: Phương pháp này đặc biệt hiệu quả với các dự án có yêu cầu rõ ràng, ít thay đổi và môi trường ổn định. • Nhược điểm: ○ Thiếu linh hoạt: Khó khăn trong việc thích ứng với các thay đổi yêu cầu hoặc phát sinh trong quá trình thực hiện dự án. ○ Tốn thời gian cho việc lập kế hoạch: Yêu cầu đầu tư nhiều thời gian và công sức cho việc lập kế hoạch chi tiết ban đầu. ○ Khó khăn trong việc xử lý rủi ro: Các rủi ro không lường trước có thể gây ảnh hưởng lớn đến tiến độ và kết quả dự án. 2. Phương pháp Thích ứng (Adaptive) • Ưu điểm: ○ Linh hoạt và thích ứng: Dễ dàng điều chỉnh kế hoạch để đáp ứng với những thay đổi của yêu cầu và môi trường dự án. ○ Tập trung vào giá trị: Ưu tiên phát triển những tính năng quan trọng nhất, mang lại giá trị cao nhất cho khách hàng. ○ Phản hồi nhanh chóng: Thông qua các vòng lặp ngắn, khách hàng có thể liên tục theo dõi tiến độ và đưa ra phản hồi, giúp cải thiện chất lượng sản phẩm. • Nhược điểm: ○ Khó khăn trong việc dự đoán: Do tính chất linh hoạt,		
--	--	--	--

	việc dự đoán chính xác thời gian, chi phí và phạm vi của dự án gặp nhiều khó khăn. ○ Yêu cầu sự tham gia tích cực của khách hàng: Khách hàng cần tham gia chặt chẽ vào quá trình phát triển để đưa ra phản hồi và định hướng cho dự án. ○ Phù hợp với đội ngũ có kinh nghiệm: Đòi hỏi đội ngũ phát triển có kinh nghiệm và kỹ năng cao để tự tổ chức và quản lý công việc. 3. Phương pháp Kết hợp (Hybrid) • Ưu điểm: ○ Kết hợp ưu điểm của hai phương pháp: Tận dụng sự rõ ràng, ổn định của phương pháp Dự đoán và sự linh hoạt, thích ứng của phương pháp Thích ứng. ○ Phù hợp với nhiều loại hình dự án: Có thể áp dụng cho các dự án có yêu cầu vừa ổn định vừa thay đổi. ○ Tối ưu hóa hiệu quả: Giúp cân bằng giữa việc kiểm soát rủi ro và thích ứng với thay đổi. • Nhược điểm: ○ Phức tạp trong việc quản lý: Yêu cầu năng lực quản lý cao để kết hợp hai phương pháp một cách hiệu quả. ○ Khó khăn trong việc lựa chọn: Cần phân tích kỹ lưỡng để lựa chọn phương pháp phù hợp với từng giai đoạn của dự án.		
Nội dung b	Sinh viên cần đưa ra lựa chọn (0.25) và đưa ít nhất 3 ý (0,25 điểm/ý) để hỗ trợ giải thích cho lựa chọn của bản thân. <u>Đáp án gợi ý:</u>	1.0	

	Đối với dự án hệ thống thông tin, phương pháp Thích ứng (Adaptive), đặc biệt là Linh hoạt (Agile), thường được xem là phù hợp nhất. Lý do: • Yêu cầu thay đổi liên tục: Các dự án hệ thống thông tin thường phải đối mặt với những thay đổi liên tục về yêu cầu từ phía người dùng, công nghệ và môi trường kinh doanh. Phương pháp Thích ứng cho phép linh hoạt điều chỉnh kế hoạch để đáp ứng với những thay đổi này, đảm bảo sản phẩm cuối cùng đáp ứng được nhu cầu thực tế. • Tính phức tạp: Hệ thống thông tin thường có độ phức tạp cao, khó để xác định rõ ràng và đầy đủ yêu cầu ngay từ đầu. Phương pháp Thích ứng với các vòng lặp phát triển ngắn giúp xây dựng và kiểm thử hệ thống từng phần, giảm thiểu rủi ro và phát hiện sớm các vấn đề. • Tương tác với người dùng: Sự tham gia chủ động của người dùng trong quá trình phát triển là rất quan trọng để đảm bảo hệ thống thông tin đáp ứng được nhu cầu và mong đợi của họ. Phương pháp Thích ứng khuyến khích sự tương tác liên tục giữa đội ngũ phát triển và người dùng, thông qua việc thu thập phản hồi và điều chỉnh sản phẩm trong từng vòng lặp. Ngoài ra: Trong một số trường hợp cụ thể, phương pháp Dự đoán hoặc Kết hợp cũng có thể được áp dụng. Ví dụ, đối với các dự án nâng cấp hệ thống có yêu cầu rõ ràng và ổn định, phương pháp Dự đoán có thể phù hợp hơn. Việc lựa chọn phương pháp tiếp cận phù hợp phụ thuộc vào nhiều yếu tố, bao gồm quy mô dự án, độ phức tạp, yêu cầu của khách hàng, kinh nghiệm của đội ngũ phát triển và môi trường dự án.		
	Điểm tổng	10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2024

Người duyệt đề



Th.S Nguyễn Đức Quỳnh Mi

Giảng viên ra đề



Huỳnh Thanh Tuấn